

Bản án số: 109/2024/DS-PT

Ngày: 15/4/2024.

*V/v tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu
hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,
tuyên bố các văn bản thỏa thuận phân
chia di sản thừa kế và hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán: ông **Lê Tự**

ông **Trương Công Thi**

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Duy Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: bà **Bùi Thị Dung** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 355/2023/TLPT-DS ngày 18/12/2023 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuyên bố các văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 497/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông **Trần Xuân H** - sinh năm 1982.

Địa chỉ: số A đường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà **Nguyễn Thị N** - sinh năm 1964. Địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N: ông **Phạm Văn T** - sinh năm 1981. Địa chỉ: xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (văn bản ủy quyền ngày 12/4/2024). Có mặt.

2.2. Bà Lê Thị C - sinh năm 1985. Địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

2.3. Ông Lê Văn C1 - sinh năm 1985. Địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

2.4. Bà Lê Thị K - sinh năm 1940. Địa chỉ: K91 H đường C, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị S - sinh năm 1990. Địa chỉ: tổ B X, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3.2. Ông Lê Trường S1 - sinh năm 1993. Địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3.3. Ông Nguyễn Thành T1 - sinh năm 1989. Địa chỉ: tổ B, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

3.4. Bà Cao Minh Yên N1 - sinh năm 1990. Địa chỉ: tổ E phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3.5. Ông Hồ Quang T2 - sinh năm 1985;

3.6. Bà Trần Thị L - sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: tổ E phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3.7. Ông Văn Ngọc L1 - sinh năm 1970;

3.8. Bà Nguyễn Thị Y - sinh năm: 1974;

Cùng địa chỉ: tổ C, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin vắng mặt.

3.9. Ông Đặng Thế Anh P - sinh năm 1979;

3.10. Bà Trần Mai N2 - sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: tổ B, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Ông P có mặt, bà Trần Mai N2 vắng mặt.

3.11. Ủy ban nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: khu T huyện H, thôn D, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3.12. Văn phòng C3. Địa chỉ: số A đường T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3.13. Văn phòng C4. Địa chỉ: lô D, khu B, đường Đ, thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3.14. Văn phòng Công chứng Huỳnh Bá Đ. Địa chỉ: số F đường T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: nguyên đơn ông Trần Xuân H và bị đơn bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ông bà ngoại ông là ông Lê Văn N3 (còn gọi là Lê N3, chết trước năm 1980, không có giấy chứng tử) và bà Mai Thị V (sinh năm 1916, chết năm 2008). Lúc còn sống, bà V có tạo lập khối tài sản gồm nhà, đất tại đội F, thôn Q, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (nay là thôn Q, xã H) và có đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/Ttg đối với thửa số 399, tờ bản đồ số 01, diện tích 500m² đất thổ cư, 100m² đất màu nhưng diện tích thực tế mà bà V quản lý, sử dụng theo bản đồ 299/Ttg là 1.400m².

Ông N3 và bà V có 04 người con, gồm: bà Lê Thị B (Liệt sĩ, chết năm 1964; chồng con của bà B đều đã chết trong chiến tranh); ông Lê Hồng A (Liệt sĩ, không có vợ con); bà Lê Thị K (tên gọi khác là Lê Thị H1, còn sống) và mẹ ông là Lê Thị B1 (sinh năm 1949, chết năm 1992; có chồng là Trần Văn X sinh năm 1928, chết năm 2000; có một người con duy nhất là Trần Xuân H). Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của bà Mai Thị V hiện tại chỉ còn có bà Lê Thị K và ông Trần Xuân H.

Khoảng trước năm 1980, bà V thấy ông Lê Y1 đó còn nhỏ (ông Lê Y1 gọi bà V là bà nội thím và gọi ông Lê Văn N3 là ông nội chú vì cha ông Lê Y1 là ông Lê L2 mà cha ông Lê L2 là anh em ruột với ông Lê Văn N3) và mẹ con ông Lê Y1 xin bà V cho ở nhờ trên nhà đất của bà V nên đồng ý cho họ về ở nhờ tại gian nhà làm bếp của bà V. Sau này, khi ông Lê Y1 có vợ con là bà Nguyễn Thị N thì cũng ở chung với bà V. Còn bà B1 ở với bà V đến khoảng năm 1979 thì ra Đà Nẵng làm việc cuối tuần mới về nhà.

Trong quá trình sử dụng nhà đất trên của bà V, gia đình ông Y đã dùng gian nhà thờ của bà V làm thành 01 nhà thờ tộc Lê L2 và lợi dụng việc bà V lúc đó già yếu đi lại khó khăn, con cháu ở xa không biết việc Nhà nước thông báo cho dân thực hiện việc đăng ký, kê khai để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông Lê Y1 đã tự ý kê khai đăng ký thửa đất trên của bà V và được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1926 ngày 06/12/1996 đối với thửa đất số 525, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.594m² đất thổ cư (trong đó có 200m² đất ở) cho hộ ông Lê Y.

Năm 2009, thực hiện Quyết định thu hồi đất số 2963 của UBND thành phố Đ để giao cho Công ty Cổ phần Đ1 thực hiện Dự án khu đô thị S (còn gọi là Golden Hills), Nhà nước đã thu hồi nhà đất nêu trên của bà V. Vợ chồng ông Lê Y1 và bà Nguyễn Thị N tự ý kê khai với Ban giải tỏa đền bù dự án để nhận tiền bồi thường và đất tái định cư, không thông báo cho hàng thừa kế của bà V biết. Sau đó, bà Lê Thị K phát hiện sự việc và làm đơn khiếu nại yêu cầu chia thừa kế đối với vợ chồng ông Lê Y. Hai bên tự thỏa thuận chia cho bà K 1 thửa đất tái định cư. Ông H đã làm đơn khiếu nại gửi UBND xã H nhưng do bà K không đến và bà N bỏ về ngay giữa phiên hòa giải nên không hòa giải được.

Ngày 07/02/2020, Văn phòng C3, thành phố Đà Nẵng công chứng 06 văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế giữa bà Nguyễn Thị N và các con là bà Lê Thị C, bà Lê Thị S, ông Lê Trường S1 với nội dung tặng cho toàn bộ phần di sản mà mình được hưởng đối với quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị N, gồm:

1.1. Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số công chứng 317, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 47.

1.2. Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số có công chứng 321, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 727, tờ bản đồ số 61.

1.3. Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế có số công chứng 322, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 728, tờ bản đồ số 61.

1.4. Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế có số công chứng 323, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số: 729, tờ bản đồ số 61.

1.5. Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế có số công chứng 319, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 47.

1.6. Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế có số công chứng 320, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 726, tờ bản đồ số 61.

Ngày 01/4/2020, bà N được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất như sau:

2.1. Giấy chứng nhận số CT 599878 đối với thửa đất số 46, tờ bản đồ s: 47, diện tích 112.5m².

2.2. Giấy chứng nhận số CT 599883 đối với thửa đất số 727, tờ bản đồ số 61, diện tích 150m².

2.3. Giấy chứng nhận số CT 599882 đối với thửa đất số 728, tờ bản đồ số 61, diện tích 150m².

2.4. Giấy chứng nhận số CT 599879 đối với thửa đất số 726, tờ bản đồ số 61, diện tích 150m².

2.5. Giấy chứng nhận số CT 599881 đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 47, diện tích 112.5m².

Ngày 03/7/2020, bà Nguyễn Thị N đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ 47 cho ông Văn Ngọc L1 và bà Nguyễn Thị Y theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 003014, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng tại Văn phòng C5, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 24/4/2020, bà Nguyễn Thị N đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 726, tờ bản đồ số 61 cho ông Hoàng Thành T3, bà Cao Minh

Yến N1 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 0603, quyền số 13 TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng tại Văn phòng C4, thành phố Đà Nẵng. Ngày 05/6/2020, ông T3, bà N1 chuyển nhượng thửa đất này cho ông Hồ Quang T2, bà Trần Thị L theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 1605, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C3, thành phố Đà Nẵng.

Ông Trần Văn H2 mồ côi cha mẹ từ nhỏ không có nhà cửa, đến nay vẫn phải ở nhờ nhà của gia đình vợ nên rất muốn có chỗ ở riêng để có thể tự mình thờ cúng ông bà cha mẹ. Do vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế di sản của bà Mai Thị V để lại là:

1. Yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1926 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 06/12/1996 cho hộ ông Lê Y1 đối với thửa 525, tờ bản đồ số 10 vì đây chính thửa 399, tờ bản đồ số 02 của bà V quản lý, sử dụng làm nhà để ở và canh tác, có kê khai 299/TTg.

2. Do thửa đất của bà V bị thu hồi, giải tỏa, được đền bù 07 thửa đất tái định cư và đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận lần đầu cho cho ông Lê Y1 (chết) và bà Nguyễn Thị N nên đề nghị Tòa án tuyên hủy 07 Giấy chứng nhận sau do UBND huyện H cấp không đúng đối tượng, gồm: Giấy chứng nhận số CT 502109, CT 502110, CT 502218, CT 502105, CT 502106, CT 502107, CT 502108 (đối với thửa 44, 46 tờ bản đồ số 47; thửa 376, 726, 727, 728, 729 tờ bản đồ số 61). Riêng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên thửa 727, 728, 729 tờ bản đồ số 61 ông H2 không có tranh chấp gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

3. Yêu cầu tuyên bố 06 văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 07/02/2020 giữa bà Nguyễn Thị N cùng các con là bà Lê Thị C, Lê Thị S, Lê Trường S1 được công chứng tại Văn phòng C3, thành phố Đà Nẵng là vô hiệu, cụ thể:

- Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế có số công chứng 317, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 47.

- Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số công chứng 321, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 727, tờ bản đồ số 61.

- Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số công chứng 322, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 728, tờ bản đồ số 61.

- Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số công chứng 323, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 729, tờ bản đồ số 61

- Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số công chứng 319, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 47

- Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số công chứng 320, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 726, tờ bản đồ số 61.

4. Do yêu cầu tuyên bố 06 văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế nêu trên vô hiệu nên yêu cầu Tòa án kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ thu hồi 05 Giấy chứng nhận đã cấp cho bà Nguyễn Thị N, gồm Giấy chứng nhận số: CT 599881, CT 599878, CT 599879, CT 599883, CT 599882 (đối với các thửa 44, 46, tờ bản đồ số 47; các thửa 726, 727, 728 tờ bản đồ số 61).

5. Yêu cầu tuyên bố các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất sau vô hiệu:

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 24/4/2020 có số công chứng 0603, quyền số 13 TP/CC-SCC/HĐGD giữa bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Thành T3, bà Cao Minh Yến N1 đối với thửa đất số 726, tờ bản đồ số 61, diện tích 150m² của Văn phòng C4, thành phố Đà Nẵng.

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 05/6/2020 có số công chứng 1605, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD giữa ông Hoàng Thành T3, bà Cao Minh Yến N1 và ông Hồ Quang T2, bà Trần Thị L đối với thửa đất số 726, tờ bản đồ số 61, diện tích 150m² của Văn phòng C3, thành phố Đà Nẵng.

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 03/7/2020 có số công chứng 003014, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD giữa bà Nguyễn Thị N và ông Văn Ngọc L1, bà Nguyễn Thị Y đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 47, diện tích 112.5m² của Văn phòng công chứng Huỳnh Bá Đ, thành phố Đà Nẵng.

6. Căn cứ phiếu chuyển thông tin về hồ sơ tái định cư, phiếu bố trí tái định cư, Biên bản bàn giao thửa đất thực tế, đề nghị Tòa án xác định di sản thừa kế của bà Mai Thị V để lại gồm: tiền đền bù, hỗ trợ tạm tính là 391.850.120đồng và 07 thửa đất tái định cư địa chỉ tại khu tái định cư thuộc các phân khu B, B2-9, B3-8, B3-1 dự án G (giai đoạn 1) và các phân khu A2-2, A3-6, A3-9, A3-10, B2-1, B2-5 dự án G - khu B và khu C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng có tổng giá trị là 12.964.232.850đồng, thông tin như sau:

- Thửa đất số 49, phân khu B2-54, diện tích 112,5m² đất ở, đường 7,5m (nay là thửa đất số 44, tờ bản đồ số 47).

- Thửa đất số 50, phân khu B2-54, diện tích 112,5m² đất ở, đường 7,5m (nay là thửa đất số 46, tờ bản đồ số 47).

- Thửa đất số 38, phân khu B2-75, diện tích 150m² đất ở, đường 5,5m (nay là thửa đất số 376, tờ bản đồ số 61).

- Thửa đất số 42, phân khu B2-74, diện tích 150m² đất ở, đường 5,5m (nay là thửa đất số 726, tờ bản đồ số 61).

- Thửa đất số 43, phân khu B2-74, diện tích 150m² đất ở, đường 5,5m (nay là thửa đất số 727, tờ bản đồ số 61).

- Thừa đất số 44, phân khu B2-74, diện tích 150m² đất ở, đường 5,5m (nay là thửa đất số 728, tờ bản đồ số 61).

- Thừa đất số 45, phân khu B2-74, diện tích 150m² đất ở, đường 5,5m (nay là thửa đất số 729, tờ bản đồ số 61).

7. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Mai Thị V chỉ còn lại bà Lê Thị K và ông Trần Xuân H. Đề nghị chia thừa kế di sản của bà V như sau:

- Về tiền đền bù, hỗ trợ tạm tính là 391.850.120đồng thì ông H xin tạm nhận 1/3 giá trị là 130.616.706đồng. Sau này có số liệu để trừ đi phần bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc của vợ chồng ông Y, bà N, vợ chồng bà C, ông C1 thì đề nghị Tòa án chia đôi số tiền còn lại cho ông H và bà K nhưng có tính công sức đóng góp cho vợ chồng ông Y, bà N là 10% trên số tiền đền bù còn lại.

- Về đất: đề nghị Tòa án chia 07 thửa đất trên cho ông H và bà K theo quy định pháp luật nhưng trừ đi 10% công sức đóng góp của ông Y, bà N là 1.296.423.285đồng nên ông H và bà K mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị 07 thửa đất tái định cư của bà V là $(12.964.232.850\text{đồng} - 1.296.423.285\text{đồng}) : 2 = 5.833.904.782\text{đồng}$.

Ông H xin nhận hiện vật là: thửa đất số 50, phân khu B2-54, trị giá 1.908.082.800đồng và thửa đất số 38, phân khu B2-75, trị giá 1.829.613.450đồng. Tổng giá trị 02 thửa đất là 3.737.696.250đồng.

- Tổng giá trị 02 thửa đất ông nhận là 3.737.696.250đồng nên bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho ông với số tiền tạm tính là $(5.833.904.782\text{đồng} + 130.616.706\text{đồng}) - 3.737.696.250\text{đồng} = 2.226.825.238\text{đồng}$.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị N và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của bà và ông Lê Y1 đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1926 ngày 06/12/1996. Bao nhiêu năm vợ chồng bà lao động vất vả để có tiền nộp thuế đất cho Nhà nước, lúc đó ông H ở đâu sao không về dành nộp thuế. Vợ chồng bà vất vả trồng trọt, chăn nuôi được bao nhiêu tiền giải tỏa giao lại cho bà K. Trước đây, căn nhà của bà V chưa được 3m², qua bao nhiêu năm lũ lụt làm xây dựng lên lại đổ xuống. Vợ chồng bà trồng cây, lượm tôn về lợp nhà để gìn giữ. Việc ông H cung cấp bản kê khai 299 là không có căn cứ.

Thửa đất của ông bà bị giải tỏa và được bố trí 07 thửa đất tái định cư, gồm 02 thửa đất chính đường 7,5m và 05 thửa đất chính đường 5,5m. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 08/9/2023, bà N có đơn trình bày bổ sung như sau: nhà đất tranh chấp có nguồn gốc của ông cố nội Lê Văn T4 để lại cho ông Lê Văn C2 (ông nội ông Y). Quá trình sử dụng, ông C2 đã xây dựng ngôi nhà ba gian để sinh sống. Khi ông C2 chết để lại nhà đất cho ông Lê L2 (cha ông Y). Sau đó, ông L2 về nhà vợ

sinh sống nên để lại cho vợ chồng ông bà quản lý, sử dụng. Bà V là em dâu của ông nội Cú nên ông C2 cho bà V xây dựng 01 ngôi nhà 20m² trên thửa đất. Từ khi vợ chồng bà đến sinh sống tại thửa đất 525 thì hiện trạng thửa đất không thay đổi cho đến khi giải tỏa, vợ chồng bà không khai phá, mở rộng diện tích. Trước đây, ông Y đồng ý cho bà K (con gái bà V) 01 thửa đất tái định cư vì nghĩ khi còn sống bà V đã ở trên thửa đất 525 trước đây.

** Bị đơn - bà Lê Thị C trình bày:*

Bà là con ông Lê Y1 và bà Nguyễn Thị N. Bà thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc n trên. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Lê Thị S, ông Lê Trường S1 trình bày: các ông bà là con ông Lê Y1 và bà Nguyễn Thị N, thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc n trên. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ông Văn Ngọc L1, bà Nguyễn Thị Y trình bày: ông bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 44, tờ bản đồ 47, diện tích 112,5m², địa chỉ lô D phân khu B khu tái định cư thuộc các phân khu B2- 1, B, B3-8, B3-1 dự án G - giai đoạn 1 và các khu A3-2, A3-6, A3-9, A3-10, B2-1, B2-5, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng của bà Nguyễn Thị N. Trên cơ sở thỏa thuận giữa hai bên, pháp lý là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu và tài sản khác gắn liền trên đất số CT599881 do sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 01/4/2020. Ông bà đã thực hiện các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất; thực hiện nộp hồ sơ, hoàn thành các nghĩa vụ tài chính theo đúng các quy định của pháp luật và đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất nói trên (chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện H chỉnh lý, đứng tên ngày 24/7/2020). Trước và sau khi giao dịch chuyển nhượng, cho đến khi nhận được thông báo của TAND thành phố Đà Nẵng, ông bà không biết việc nguyên đơn khởi kiện. Giao dịch chuyển nhượng giữa ông bà và bà N là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án bảo vệ quyền lợi của ông bà khi giải quyết vụ án.

- Ông Đặng Thế Anh P, bà Trần Mai N2 trình bày: tháng 6/2022, vợ chồng ông Hồ Quang T2, bà Trần Thị L rao bán thửa đất số 726, tờ bản đồ 61 lô 42 phân khu B2 - 74, khu tái định cư thuộc các phân khu B, B2-9, B3-8, B3-1 dự án G - giai đoạn 1 và các phân khu A3-2, A3-6, A3-9, A3- 10, B2-1, B2-5, dự án G - khu B và C xã H, huyện H, thành Phố Đà Nẵng. Vì có nhu cầu chỗ ở nên ông bà cùng vợ chồng ông Hồ Quang T2 thống nhất giá chuyển nhượng 2.430.000.000đồng. Hai bên đã làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, lô đất số 42 nói trên tại Văn phòng C6. Ngày 08/6/2022, ông bà nộp hồ sơ tại Văn phòng chi nhánh đất đai huyện H để làm thủ tục kê khai thuế trước bạ và sang tên. Ngày 20/6/2022, TAND thành phố Đà Nẵng gửi công văn số

526/2022/CV-TA cho Văn phòng Đ2 chi nhánh huyện H “Về việc không thực hiện việc chỉnh lý biến động sang tên”. Cùng thời điểm đó, ông bà nhận được văn bản trả lời của Văn phòng chi nhánh đất đai huyện H tạm dừng giải quyết hồ sơ đối với ông bà. Đề nghị Tòa án giải quyết, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2, 3, 5 Điều 26; Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 244 và các Điều 227, 228, 235, 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 122, 123, 131, 166, 579, 580, 612, 613, 651, 683, 685 của Bộ luật Dân sự; Các Điều 179, 188 của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

I. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân H về việc “Chia di sản thừa kế đối với số tiền đền bù, hỗ trợ tạm tính là 391.850.120đồng”.

II. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân H về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

1. Trích công sức cho hộ ông Lê Y1 là 05 thửa đất, bao gồm: 04 thửa đất số 726, 727, 728, 729, tờ bản đồ số 61 và 01 thửa đất số 44, tờ bản đồ số 47 tại phân khu B2-1, B2-9, B3-8, B3-1 của dự án G - giai đoạn 1 và các phân khu A3-1, A3-6, A3-9, A3-10, B2-1, B2-5 của dự án G - khu B và C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Tổng giá trị 05 thửa đất là: 9.226.536.600đồng.

Giao cho bà Nguyễn Thị N đại diện hộ ông Lê Y1 05 (năm) quyền sử dụng đất sau:

- Thửa đất số 726, tờ bản đồ số 61; địa chỉ lô 42 phân khu B, khu tái định cư thuộc các phân khu B2-1, B2-9, B3-8, B3-1 của dự án G - giai đoạn 1 và các phân khu A3-1, A3-6, A3-9, A3-10, B2-1, B2-5 của dự án G - khu B và C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 599879 ngày 01-4-2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị N; chỉnh lý biến động sang tên cho ông Hoàng Thành T3, bà Cao Minh Yến N1 ngày 25/5/2020; chỉnh lý biến động sang tên cho ông Hồ Quang T2, bà Trần Thị L ngày 25/6/2020.

- Thửa đất số 727, tờ bản đồ số 61; địa chỉ lô 43 phân khu B, khu tái định cư thuộc các phân khu B2-1, B2-9, B3-8, B3-1 của dự án G - giai đoạn 1 và các phân khu A3-1, A3-6, A3-9, A3-10, B2-1, B2-5 của dự án G - khu B và C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT

599883 ngày 01/4/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị N.

- Thửa đất số 728, tờ bản đồ số 61; địa chỉ lô 44 phân khu B, khu tái định cư thuộc các phân khu B2-1, B2-9, B3-8, B3-1 của dự án G - giai đoạn 1 và các phân khu A3-1, A3-6, A3-9, A3-10, B2-1, B2-5 của dự án G - khu B và C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 599882 ngày 01/4/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị N.

- Thửa đất số 729, tờ bản đồ số 61; địa chỉ lô 45 phân khu B, khu tái định cư thuộc các phân khu B2-1, B2-9, B3-8, B3-1 của dự án G - giai đoạn 1 và các phân khu A3-1, A3-6, A3-9, A3-10, B2-1, B2-5 của dự án G - khu B và C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 599880 ngày 01/4/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị N.

- Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 47; địa chỉ lô 49 phân khu B, khu tái định cư thuộc các phân khu B2-1, B2-9, B3-8, B3-1 của dự án G - giai đoạn 1 và các phân khu A3-1, A3-6, A3-9, A3-10, B2-1, B2-5 của dự án G - khu B và C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 599881 ngày 01/4/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị N; chỉnh lý biến động sang tên cho ông Văn Ngọc L1, bà Nguyễn Thị Y ngày 24/7/2020.

(Thửa đất số 726, tờ bản đồ số 61 và thửa đất số 44, tờ bản đồ số 47 nêu trên đã được chỉnh lý biến động sang tên là hợp pháp).

2. Công nhận di sản của bà Mai Thị V là 02 thửa đất:

- Thửa đất số 376, tờ bản đồ số 61; địa chỉ lô C phân khu B, khu tái định cư thuộc các phân khu B2-1, B2-9, B3-8, B3-1 của dự án G - giai đoạn 1 và các phân khu A3-1, A3-6, A3-9, A3-10, B2-1, B2-5 của dự án G - khu B và C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT502218 ngày 17/02/2020 do UBND huyện H, thành phố Đà Nẵng cấp cho bà Nguyễn Thị N, ông Lê Y1 (chết).

- Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 47; địa chỉ lô 50 phân khu B, khu tái định cư thuộc các phân khu B2-1, B2-9, B3-8, B3-1 của dự án G - giai đoạn 1 và các phân khu A3-1, A3-6, A3-9, A3-10, B2-1, B2-5 của dự án G - khu B và C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 599878 ngày 01/4/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị N.

2.1. Xác định hàng thừa kế của bà Mai Thị V là bà Lê Thị K và ông Trần Xuân H.

2.2. Phân chia di sản thừa kế của bà Mai Thị V:

- Giao cho bà Lê Thị K được quyền sử dụng Thửa đất số 376, tờ bản đồ số 61; địa chỉ lô C phân khu B, khu tái định cư thuộc các phân khu B2-1, B2-9, B3-8, B3-1 của dự án G - giai đoạn 1 và các phân khu A3-1, A3-6, A3-9, A3-10, B2-1, B2-5 của dự án G - khu B và C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT502218 ngày 17/02/2020 do UBND huyện H, thành phố Đà Nẵng cấp cho bà Nguyễn Thị N, ông Lê Y1 (chết); có giá trị quyền sử dụng đất là 1.829.613.450đồng.

- Giao ông Trần Xuân H được quyền sử dụng thửa đất số 46, tờ bản đồ số 47; địa chỉ lô 50 phân khu B, khu tái định cư thuộc các phân khu B2-1, B2-9, B3-8, B3-1 của dự án G - giai đoạn 1 và các phân khu A3-1, A3-6, A3-9, A3-10, B2-1, B2-5 của dự án G - khu B và C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 599878 ngày 01/4/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị N; có giá trị quyền sử dụng đất là 1.908.082.800đồng.

- Ông Trần Xuân H có nghĩa vụ thôi trả phần chênh lệch tài sản cho bà Lê Thị K số tiền là 39.234.675đồng (ba mươi chín triệu, hai trăm ba mươi bốn nghìn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng).

- Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thôi trả tiền, bà Lê Thị K và ông Trần Xuân H được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được làm thủ tục đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

III. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân H về việc “Yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuyên bố các văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu”; gồm:

1. Yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1926 ngày 06/12/1996 do UBND huyện H, thành phố Đà Nẵng cấp cho hộ ông Lê Y1 đối với thửa đất số 525, tờ bản đồ số 10, diện tích: 1594m² đất thổ cư (trong đó có 200m² đất màu).

2. Yêu cầu huỷ 07 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau do UBND huyện H cấp không đúng đối tượng, gồm các Giấy chứng nhận số CT 502109, CT 502110, CT 502218, CT 502105, CT 502106, CT 502107, CT 502108 (đối với thửa 44, 46 tờ bản đồ số 47; thửa 376, 726, 727, 728, 729 tờ bản đồ số 61).

3. Yêu cầu tuyên bố 06 Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 17/02/2020, có số công chứng gồm: 317, 321, 322, 320, 323, 319, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD giữa bà Nguyễn Thị N cùng các con là bà Lê Thị C, bà Lê Thị S, ông Lê Trường S1 được công chứng tại Văn phòng C3 là vô hiệu.

4. Yêu cầu Tòa án kiến nghị thu hồi 05 Giấy chứng nhận đã cấp cho bà Nguyễn Thị N, gồm các Giấy chứng nhận số: CT 599881, CT 599878, CT 599879, CT 599883, CT 599882 (đối với các thửa 44, 46, tờ bản đồ số 47; các thửa 726, 727, 728 tờ bản đồ số 61).

5. Yêu cầu tuyên bố các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất sau vô hiệu:

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 24/4/2020 có số công chứng 0603, quyền số 13 TP/CC-SCC/HĐGD giữa bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Thành T3, bà Cao Minh Yến N1 đối với thửa đất số 726, tờ bản đồ số 61, diện tích 150m² của Văn phòng C4, thành phố Đà Nẵng.

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 05/6/2020 có số công chứng 1605, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD giữa ông Hoàng Thành T3, bà Cao Minh Yến N1 và ông Hồ Quang T2, bà Trần Thị L đối với thửa đất số 726, tờ bản đồ số 61, diện tích 150m² của Văn phòng C3, thành phố Đà Nẵng.

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 03/7/2020 có số công chứng 003014, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD giữa bà Nguyễn Thị N và ông Văn Ngọc L1, bà Nguyễn Thị Y đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 47, diện tích 112.5m² của Văn phòng C5, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, trách nhiệm thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/9/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 20/9/2023, nguyên đơn ông Trần Xuân H kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng tính công sức đóng góp của gia đình ông Lê Y1 và bà Nguyễn Thị N là 10%, có giá trị 1.296.423.285 đồng trên tổng giá trị di sản của bà Mai Thị V.

Ngày 09/4/2024, nguyên đơn ông Trần Xuân H có đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Trần Xuân H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn - ông Phạm Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị N. Ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại nguồn gốc thửa đất vì đây đất là của ông bà ông Lê Y1 để lại cho ông Lê Y1 và ông Y đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996 nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của nguyên đơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 289 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Trần Xuân H. Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị N: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo

của bà Nguyễn Thị N; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 06/9/2023 của TAND thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/9/2023, nguyên đơn ông Trần Xuân H kháng cáo. Ngày 09/4/2024, ông Trần Xuân H có đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 289 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Xuân H.

[2] Về thủ tục tố tụng: tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị đơn bà Lê Thị C, ông Lê Văn C1, bà Lê Thị K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt (riêng ông Đặng Thế Anh P có mặt). Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp số 525, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.594m² tại đội 6, thôn Q (nay là thôn Q), xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng:

[3.1] Ngày 30/7/2020, Ủy ban nhân dân xã H, huyện H xác nhận: “Bà Mai Thị V có kê khai hồ sơ 299 tại thửa đất số 399, tờ bản đồ số 1 là đúng” và kèm theo bản đồ 299 thể hiện thửa đất 399 có diện tích 1.400m². Tại Công văn số 203/UBND-ĐC-XD ngày 23/6/2021 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện H có nội dung:

- “Ông Lê Y kê k ruộng đất theo Nghị định 64/CP, có đăng ký mục kê tại thửa đất số 525, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.594m² đất ở;

- Bà Mai Thị V có đăng ký Chỉ thị 299/TTg tại thửa đất số 399, tờ bản đồ số 1, diện tích 500m² đất ở và 100m² đất màu trùng khớp thửa đất số 525, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.594m² do ông Lê Y1 kê khai theo Nghị định 64/CP”.

Như vậy, thửa đất số 525, tờ bản đồ số 10 mà UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1926, diện tích 1.594m² cho hộ ông Lê Y t khớp với thửa đất số 399, tờ bản đồ số 1 mà bà Mai Thị V đã đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg, cùng vị trí, diện tích đất về cơ bản tương đương nhau. Như vậy, có cơ sở xác định nguồn gốc thửa đất tranh chấp là thuộc quyền sử dụng đất của bà Mai Thị V.

[3.2] Tại Công văn số 189/BGPMB ngày 15/3/2021 của Ban Giải phóng mặt bằng huyện H đã cung cấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1926 do UBND huyện H cấp ngày 06/12/1996 cho hộ ông Lê Y1; Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 23/3/2010 của UBND huyện H về việc thu hồi khu đất

1.682,40m², thửa đất số 38, tờ bản đồ số 264 do hộ ông Lê Y1 đang quản lý, sử dụng; Quyết định số 2128/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 của UBND thành phố Đ về việc phê duyệt hồ trợ và bố trí tái định cư cho hộ ông Lê Y1; đồng thời xác định thửa đất số 38, tờ bản đồ số 264 là thửa đo đạc của Trung tâm đo đạc bản đồ Đà Nẵng để phục vụ dự án. Như vậy, thửa đất số 525, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.594m² tại thôn Q, xã H đã bị Nhà nước giải toả và được bố trí 07 lô đất tái định cư, gồm: 02 thửa đất chính đường 7,5m và 05 thửa đất chính đường 5,5m tại phân khu B, B2-9, B3-8, B3-1 của dự án G - giai đoạn 1 và các phân khu A3-1, A3-6, A3-9, A3-10, B2-1, B2-5 của dự án G - khu B và C xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Tại Biên bản giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị K ngày 23/10/2019 thì ông Lê Y1 đồng ý giao cho bà K 01 lô đất tái định cư. Sau đó, bà N, bà C và bà S đồng ý giao tiền đền bù hoa màu cho bà K. Vì vậy, có căn cứ xác định 07 thửa đất tái định cư (tổng giá trị quyền sử dụng đất là: 12.964.232.850đồng) và tiền giải toả đền bù có nguồn gốc là của bà Mai Thị V. Tuy nhiên, nguyên đơn ông Trần Xuân H rút yêu cầu khởi kiện chia thừa kế tiền giải toả đền bù nên Toà án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[3.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của bà Mai Thị V. Bà Nguyễn Thị N cho rằng quyền sử dụng thửa đất này là của gia đình bà, do ông cố nội Lê Văn T4 và ông nội Lê Văn C2 của ông Lê Y1 để lại, gia đình bà đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà N cũng như người đại diện theo uỷ quyền của bà N không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh nguồn gốc đất là của ông bà ông Lê Y1 để lại. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà N.

[4] Về hàng thừa kế: bà Mai Thị V có chồng là ông Lê Văn N3. Ông N3 chết trước năm 1980, bà V chết năm 2008. Ông N3 và bà V có 04 người con: bà Lê Thị B (Liệt sỹ, chồng con của bà B đều đã chết trong chiến tranh), ông Lê Hồng A (Liệt sỹ, không có vợ con), bà Lê Thị K (tên gọi khác: Lê Thị H1, còn sống) và bà Lê Thị B1 (chết năm 1992, chồng là Trần Văn X, chết năm 2000, có 01 người con là Trần Xuân H). Vì vậy, hàng thừa kế thứ nhất của bà V gồm bà Lê Thị K và người thừa kế thế vị của bà Lê Thị B1 là ông Trần Xuân H.

[5] Xét thực tế sử dụng 07 thửa đất tái định cư, Hội đồng xét xử thấy: thửa đất số 728 bà N đã xây dựng nhà thờ, thửa số 727 và 729 bà N cho gia đình các con gồm bà Lê Thị C và ông Lê Trường S1 xây dựng nhà ở; thửa đất số 726 và thửa đất số 44 đã chuyển nhượng sang tên cho người khác; còn lại thửa đất số 376 và thửa đất số 46 là đất trống, chưa chuyển nhượng cho ai. Khi xác định di sản thừa kế của bà V, Toà án cấp sơ thẩm đã đánh giá công sức của hộ gia đình ông Lê Y1 trong khối di sản này. Cụ thể: ông Y s với bà V từ nhỏ, đến khi trưởng thành, lập gia đình vẫn sinh sống với bà V trên mảnh đất này, chăm sóc bà V, sửa chữa nhà cửa, xây dựng thêm một phần nhà, gia đình có nhiều nhân khẩu, nộp tiền sử dụng đất, nộp lệ phí trước bạ và căn cứ thực tế sử dụng đất nên

đã tính công sức cho gia đình ông Y do bà N đại diện nhận 05 thửa đất (gồm các thửa đất số: 726, 727, 728, 729, 44; có tổng giá trị là: 9.226.536.600đồng) trong tổng số 07 thửa đất là phù hợp. Như vậy, di sản thừa kế của bà V còn lại là thửa đất số 376 có giá trị quyền sử dụng đất: 1.829.613.450đồng và thửa đất số 46 có giá trị quyền sử dụng đất: 1.908.082.800đồng, tổng cộng: 3.737.696.250đồng.

[6] Về phân chia di sản thừa kế: bà V chết không để lại di chúc nên di sản của bà V để lại được chia đều cho bà Lê Thị K và ông Trần Xuân H. Toà án cấp sơ thẩm phân chia di sản của bà V cho bà K và ông H mỗi người nhận $\frac{1}{2}$ tổng giá trị 02 thửa đất là 1.868.848.125đồng (3.737.696.250đồng : 2). Các thửa đất này là đất trống, chưa chuyển nhượng cho ai nên Toà án cấp sơ thẩm giao thửa đất số 46 cho ông H, giao thửa đất số 376 cho bà K được quyền sử dụng, ông H có trách nhiệm bồi trả giá trị chênh lệch cho bà K là phù hợp.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân H về việc tranh chấp về thừa kế tài sản là có căn cứ. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí:

- Do nội dung kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông Trần Xuân H phải chịu 50% mức án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại cho ông Trần Xuân H 50% tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

[9] Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm về yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuyên bố các văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, trách nhiệm thi hành án, án phí không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 289 của Bộ luật Tố tụng Dân sự,

I. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Xuân H.

II. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 06/9/2023 của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 122, 123, 131, 166, 579, 580, 612, 613, 651, 683, 685 của Bộ luật Dân sự; các Điều 179, 188 của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân H về việc “Chia di sản thừa kế đối với số tiền đền bù, hỗ trợ tạm tính là 391.850.120đồng”.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân H về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

2.1. Công nhận di sản của bà Mai Thị V là 07 thửa đất, tổng giá trị quyền sử dụng đất là: 12.964.232.850đồng.

2.2. Hàng thừa kế thứ nhất của bà Mai Thị V gồm bà Lê Thị K và người thừa kế thế vị của bà Lê Thị B1 là ông Trần Xuân H.

2.3. Trích công sức cho hộ ông Lê Y1 là 05 thửa đất, bao gồm: 04 thửa đất số 726, 727, 728, 729, tờ bản đồ số 61 và 01 thửa đất số 44, tờ bản đồ số 47 tại phân khu B2-1, B2-9, B3-8, B3-1 của dự án G - giai đoạn 1 và các phân khu A3-1, A3-6, A3-9, A3-10, B2-1, B2-5 của dự án G - khu B và C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Tổng giá trị quyền sử dụng 05 thửa đất là: 9.226.536.600đồng.

Giao cho bà Nguyễn Thị N (đại diện hộ ông Lê Y1) nhận 05 (năm) quyền sử dụng đất sau:

- Thửa đất số 726, tờ bản đồ số 61; địa chỉ lô 42 phân khu B, khu tái định cư thuộc các phân khu B2-1, B2-9, B3-8, B3-1 của dự án G - giai đoạn 1 và các phân khu A3-1, A3-6, A3-9, A3-10, B2-1, B2-5 của dự án G - khu B và C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 599879 ngày 01-4-2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị N; chỉnh lý biến động sang tên cho ông Hoàng Thành T3, bà Cao Minh Yển N1 ngày 25/5/2020; chỉnh lý biến động sang tên cho ông Hồ Quang T2, bà Trần Thị L ngày 25/6/2020.

- Thửa đất số 727, tờ bản đồ số 61; địa chỉ lô 43 phân khu B, khu tái định cư thuộc các phân khu B2-1, B2-9, B3-8, B3-1 của dự án G - giai đoạn 1 và các phân khu A3-1, A3-6, A3-9, A3-10, B2-1, B2-5 của dự án G - khu B và C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 599883 ngày 01/4/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị N.

- Thửa đất số 728, tờ bản đồ số 61; địa chỉ lô 44 phân khu B, khu tái định cư thuộc các phân khu B2-1, B2-9, B3-8, B3-1 của dự án G - giai đoạn 1 và các phân khu A3-1, A3-6, A3-9, A3-10, B2-1, B2-5 của dự án G - khu B và C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 599882 ngày 01/4/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị N.

- Thửa đất số 729, tờ bản đồ số 61; địa chỉ lô 45 phân khu B, khu tái định cư thuộc các phân khu B2-1, B2-9, B3-8, B3-1 của dự án G - giai đoạn 1 và các phân khu A3-1, A3-6, A3-9, A3-10, B2-1, B2-5 của dự án G - khu B và C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 599880 ngày 01/4/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị N.

- Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 47; địa chỉ lô 49 phân khu B, khu tái định cư thuộc các phân khu B2-1, B2-9, B3-8, B3-1 của dự án G - giai đoạn 1 và các phân khu A3-1, A3-6, A3-9, A3-10, B2-1, B2-5 của dự án G - khu B và C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 599881 ngày 01/4/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị N; chỉnh lý biến động sang tên cho ông Văn Ngọc L1, bà Nguyễn Thị Y ngày 24/7/2020.

2.4. Công nhận di sản còn lại của bà Mai Thị V để chia thừa kế là 02 thửa đất:

- Thửa đất số 376, tờ bản đồ số 61; địa chỉ lô C phân khu B, khu tái định cư thuộc các phân khu B2-1, B2-9, B3-8, B3-1 của dự án G - giai đoạn 1 và các phân khu A3-1, A3-6, A3-9, A3-10, B2-1, B2-5 của dự án G - khu B và C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT502218 ngày 17/02/2020 do UBND huyện H, thành phố Đà Nẵng cấp cho bà Nguyễn Thị N, ông Lê Y1 (chết).

- Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 47; địa chỉ lô 50 phân khu B, khu tái định cư thuộc các phân khu B2-1, B2-9, B3-8, B3-1 của dự án G - giai đoạn 1 và các phân khu A3-1, A3-6, A3-9, A3-10, B2-1, B2-5 của dự án G - khu B và C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 599878 ngày 01/4/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị N.

2.5. Phân chia di sản thừa kế của bà Mai Thị V:

- Giao cho bà Lê Thị K được quyền sử dụng thửa đất số 376, tờ bản đồ số 61; địa chỉ lô C phân khu B, khu tái định cư thuộc các phân khu B2-1, B2-9, B3-8, B3-1 của dự án G - giai đoạn 1 và các phân khu A3-1, A3-6, A3-9, A3-10, B2-1, B2-5 của dự án G - khu B và C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT502218 ngày 17/02/2020 do UBND

huyện H, thành phố Đà Nẵng cấp cho bà Nguyễn Thị N, ông Lê Y1 (chết); có giá trị quyền sử dụng đất là 1.829.613.450đồng.

- Giao ông Trần Xuân H được quyền sử dụng thửa đất số 46, tờ bản đồ số 47; địa chỉ lô 50 phân khu B, khu tái định cư thuộc các phân khu B2-1, B2-9, B3-8, B3-1 của dự án G - giai đoạn 1 và các phân khu A3-1, A3-6, A3-9, A3-10, B2-1, B2-5 của dự án G - khu B và C, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 599878 ngày 01/4/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị N; có giá trị quyền sử dụng đất là 1.908.082.800đồng.

- Ông Trần Xuân H có nghĩa vụ thối trả phần chênh lệch tài sản cho bà Lê Thị K số tiền là 39.234.675đồng (ba mươi chín triệu, hai trăm ba mươi bốn nghìn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền phải thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.6. Bà Lê Thị K và ông Trần Xuân H được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001422 ngày 27/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

- Ông Trần Xuân H phải chịu 150.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001424 ngày 02/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Hoàn trả lại cho ông Trần Xuân H 150.000đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án nói trên.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Liên